

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
Số: 2355/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kbang, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân

huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

Căn cứ Thông báo số 701/TB/HU ngày 18/10/2023 của Ban thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng 13 xã.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 13/XD-KT&HT ngày 20/11/2023 về việc thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Kông Bơ La, huyện Kbang đến năm 2032,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

+ Phía Bắc giáp : Xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.

+ Phía Nam giáp : Xã Thành An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; Giáp xã Cư An, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai.

+ Phía Đông giáp : Xã Đăk Hlơ, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.

+ Phía Tây giáp : Xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

*** Mục tiêu quy hoạch:**

- Hình thành xã đạt chuẩn nông thôn mới, theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập các quy hoạch chi tiết, cho việc tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

*** Tính chất:**

- Là xã có tính chất quan trọng về an ninh quốc phòng.

- Là xã sản xuất nông - lâm nghiệp, trọng điểm là trồng cây mía,... và một số loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2022 là: 3.454 người.

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 3.971 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 2.383 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Kông Bơ La năm 2022: 4.087,13 ha.
- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 4.087,13 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về kiến trúc, quy hoạch tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Gồm các hộ thương mại dịch vụ có diện tích 200m² - 400m² (là các hộ ở vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính, trung tâm xã) cần xác định mật độ xây dựng phù hợp với từng lô đất.

- Mật độ xây dựng: < 70%;

4.2. Điểm dân cư tại thôn, làng:

- Các điểm dân cư tại các thôn, làng chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường, đường sản xuất, chủ yếu là các khu dân cư tập trung.
- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh, hiện đại. Môi trường trong sạch.
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 400m²/hộ.
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: < 60%.

4.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.

- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường

- Khai thác có hiệu quả những nơi có diện tích mặt nước như suối, ao, hồ... để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.

- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.

- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng

nước tưới cho cây trồng vào mùa khô.

4.4. Chăn nuôi - thủy sản:

* Chăn nuôi:

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại). Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao.

* Thủy sản:

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước và tận dụng các vùng đất thấp ven suối xây dựng ao nuôi thủy sản với các loài có giá trị kinh tế cao

4.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

- Đối với các làng dân tộc thiểu số cần gìn giữ và phát huy bản sắc của từng buôn làng... quy hoạch không gian kiến trúc phù hợp theo văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng phát triển không gian văn hóa bản địa, xây dựng mô hình làng văn hóa, làng nghề truyền thống của người dân tộc thiểu số... nhằm phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng (dạng homestay), tìm hiểu văn hóa dân tộc bản địa,...

- Phát triển khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp (các khu mua bán, kho bãi tập kết nông, lâm sản...) của xã.

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Các nội dung điều chỉnh khu trung tâm xã và công trình chức năng của xã:

- Kế thừa và cập nhật các nội dung của QHCT khu trung tâm xã, điều chỉnh các khu vực phù hợp với nhu cầu phát triển của xã và định hướng chung của huyện.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn dự kiến phía Đông đầu nối tiếp tuyến đường nội thôn hiện có dài khoảng 130m và định hướng phát triển dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất.

- Quy hoạch mới đường tuyến nối từ sân thể dục thể thao của xã qua làng Nua (thôn 3) với chiều dài khoảng 334m.

- Quy hoạch mới đường tuyến song song với trục đường liên xã (phía đối diện Trụ sở Ủy ban nhân dân xã) với chiều dài khoảng 0,34km.

- Quy hoạch mới tuyến đường liên xã dự kiến có chỉ giới 20m, nối từ thị trấn, xã Đông, Kông Bơ La đi cầu Nghĩa An xã Đắk Hlơ với chiều dài khoảng 2,5 km.

- Quy hoạch đất công an xã tại vị trí đất giáo dục cũ của thôn 4 (cạnh sân bóng của thôn 4) với diện tích khoảng 0,13 ha.

- Quy hoạch bãi rác phía Bắc của xã (giáp với xã Đắk Hlơ) với diện tích khoảng 1,50 ha.

- Quy hoạch một số quỹ đất sản xuất vật liệu nhằm đáp ứng nhu cầu trên địa bàn xã.

5.2. Đối với các thôn làng:

5.2.1. Nội dung quy hoạch tại thôn 1

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên đường nội đồng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Cao Sơn ra khu sản xuất).
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên đường nội đồng ra khu sản xuất (đoạn nhà bà Ngọc ra khu sản xuất).

5.2.2. Nội dung quy hoạch tại thôn 2:

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên đường nội thôn, đoạn từ nhà văn hóa (xóm Mê dĩa) ra khu nghĩa địa thôn (giáp ranh với xã Đắk Hlơ).
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên đường nội thôn phía Đông Nam từ nhà văn hóa (xóm TuChrăn) đến ranh giới thị xã An Khê.

5.2.3. Nội dung quy hoạch tại thôn 3:

- Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn dự kiến phía Đông đầu nối tiếp tuyến đường nội thôn hiện có dài khoảng 130m và định hướng phát triển dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất.
- Quy hoạch mới đường tuyến 2 nối từ sân thể dục thể thao của xã qua làng Nua (thôn 3) với chiều dài khoảng 334m.
- Quy hoạch mới đường tuyến song song với trục đường liên xã (phía đối diện Trụ sở Ủy ban nhân dân xã) với chiều dài khoảng 0,34km.
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên đường liên xã (hướng đi thôn 4).
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã (hướng trung tâm xã đi thị xã An Khê).
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã (hướng khu trung tâm đi làng Briêng, đi xã Kông Long Khong).
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường nội đồng ra khu sản xuất (đoạn nhà ông Hùng ra khu sản xuất).

5.2.4. Nội dung quy hoạch thôn 4

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng bên cạnh sân bóng của thôn và nghĩa địa với chiều dài khoảng 100m.
- Quy hoạch khu dân cư nằm trên tuyến đường liên xã phía Tây của thôn (gần khu nghĩa địa giáp thôn 3).
- Quy hoạch khu dân cư phía Đông Bắc của thôn, dọc tuyến đường ra khu sản xuất (phía sau khu dân cư hiện có).
- Quy hoạch mở rộng nghĩa địa (làng Klôm) của thôn với diện tích khoảng 1 ha.
- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn 4 (làng Muôn) với diện tích khoảng 0,91 ha.
- Chuyển đổi khoảng 3,09 ha diện tích đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác.

5.2.5. Nội dung quy hoạch làng Lọt

- Quy hoạch khu dân cư nằm trên tuyến đường liên xã, phía Nam của làng.

5.2.6. Nội dung quy hoạch làng Briêng

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã đi xã Kông Long Khong từ đầu làng tới cuối làng.

- Quy hoạch khu dân cư phía sau sân thể dục thể thao của làng, dọc 2 bên tuyến đường ra khu sản xuất.
- Quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên tuyến đường ra khu sản xuất phía Nam của làng.
- Quy hoạch mở rộng đất nghĩa trang của làng với diện tích khoảng 2,25 ha.

6. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Chuyển đổi khoảng 1,98 ha đất trồng trọt hàng năm nằm trên tuyến đường liên xã phía Bắc đi qua xã Kông Lơng Khơng và xã Đăk Hlơ sang đất nông nghiệp khác nhằm kêu gọi thu hút đầu tư các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn cho xã.
- Cập nhật các dự án nông nghiệp khác hiện có trên địa bàn xã.
- Khuyến khích các hộ gia đình giữ gìn và phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương nhằm thu hút du lịch, hỗ trợ cho phát triển kinh tế.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN XÃ

STT	Mục đích sử dụng đất	Định hướng đến năm 2027		Định hướng đến năm 2032	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	3.897,05	95,35%	3.863,14	94,52%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	3.699,63	90,52%	3.659,13	89,53%
1.2	Đất lâm nghiệp	172,65	4,22%	172,65	4,22%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	14,09	0,34%	17,59	0,43%
1.4	Đất nông nghiệp khác	10,68	0,26%	13,77	0,34%
2	Đất xây dựng	147,39	3,61%	181,30	4,44%
2.1	Đất ở	51,61	1,26%	56,86	1,39%
2.2	Đất công cộng	4,81	0,12%	4,81	0,12%
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,95	0,05%	1,95	0,05%
2.4	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	3,22	0,08%	7,16	0,18%
2.5	Đất xây dựng các chức năng khác	0,24	0,01%	0,24	0,01%
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	85,45	2,09%	110,17	2,70%
-	Đất giao thông	63,86	-	81,59	-
-	Đất xử lý chất thải rắn	1,50	-	1,50	-
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	16,14	-	18,17	-
-	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	3,95	-	8,91	-
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	-	-	-	-
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	0,11	0,003%	0,11	0,003%
3	Đất khác	42,70	1,04%	42,70	1,04%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	36,04	0,88%	36,04	0,88%
3.2	Đất chưa sử dụng	6,66	0,16%	6,66	0,16%
-	Tổng cộng	4.087,13	100%	4.087,13	100%

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản

xuất, công trình đầu mối:

8.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

8.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

8.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống hoặc mương thoát nước cho khu vực trung tâm xã, các khu vực dân cư có ít nhất 20 hộ gia đình sống tập trung.
- Chọn chủng loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông ngoài khu dân cư, thiết diện hình thang, kết cấu xây gạch đá.
- Các tuyến cống chính dùng chủng loại cống hộp BTCT hoặc xây đá có nắp đan BTCT.
- Các tuyến cống trong làng xây đá chẻ có nắp đan BTCT.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.
- Lưu vực tiêu thoát nước chính là các suối khe lớn trong khu vực.

8.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao thông	Lòng đường (m)	Via hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
1	Đường liên Huyện	1-1	7,5	11,25x2	30	
2	Đường Huyện; đường Liên xã	2-2	5,5	7,25x2	20	Lòng đường qua trung tâm xã: 8,0m
3	Đường xã; đường liên thôn, làng	3-3	5,5	3,75x2	13	
4	Đường nội thôn, làng	4-4	5,5	3x2	11,5	
5	Đường đi khu sản xuất	5-5	3,5	1,75x2	7	

8.3. Quy hoạch thủy lợi:

- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hóa hệ thống kênh, dẫn nước để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh. Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, đảm bảo đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu chuyển dịch để phát triển sản xuất hiệu quả và phục vụ dân sinh.
- Tổ chức thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở để thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận

hành, khai thác, điều tiết nước sản xuất tại các công trình thủy lợi.

- Tổ chức tập huấn cho nhân dân và cán bộ xã về kiến thức và phòng, chống thiên tai tại chỗ.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

8.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2027 là 1.248 KVA.
- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2032 là 1.457 KVA.

8.4.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

* Nguồn cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho xã hiện nay từ xuất tuyến 471,472,473/E43 từ An Khê đi huyện Kbang.

* Trạm biến áp:

- Hiện trạng các trạm biến áp hiện có cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn xã. Dự kiến nâng công suất trạm lên 150-400KVA để đáp ứng nhu cầu phát triển sau này.

- Định hướng bố trí thêm các trạm biến áp mới phục vụ cho việc phát triển các khu dân cư mới.

* Đường dây điện 22KV:

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã thành lưới điện 22KV.
- Trạm biến áp và đường dây cấp điện 22KV sẽ được đầu tư theo từng khu vực phát triển mới và theo từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực của xã và nhu cầu dân cư cụ thể.

- Công suất trạm biến áp, loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

* Đường dây điện 0,4KV:

- Chính trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

* Chiếu sáng giao thông:

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.

- Sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng, các trục đường chính ngoài khu dân cư...

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

8.5.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 384 m³/ng.đ.

- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 413 m³/ng.đ.

* Nguồn nước:

- Nguồn nước mặt: Xã Kông Bơ La có sông suối khá nhỏ hẹp do đó nguồn nước mặt khá hạn chế.

- Nguồn nước ngầm: chưa có tài liệu điều tra nước ngầm, nhưng qua quan sát ở một số giếng đào cho thấy tầng nước ngầm trong vùng tương đối cạn, độ sâu từ 5 - 10 m, chất lượng nước tốt có thể dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

* Giải pháp quy hoạch:

- Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan đường kính nhỏ có công trình lọc nước gia đình đúng kỹ thuật.

- Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước hoàn chỉnh.

* Công trình đầu mối:

- Giai đoạn đến năm 2027:

+ Tiếp tục tận dụng nguồn nước từ các giếng khoan giếng đào cho người dân tại các khu dân cư hiện trạng.

+ Do địa bàn xã rộng, địa hình tương đối phức tạp, kiến nghị bố trí 3 trạm cấp nước phân tán với tổng công suất 384m³/ngày.đêm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân trong xã.

+ Đối với các khu dân cư nằm cách xa khu trung tâm kiến nghị sử dụng nước giếng khoan.

- Giai đoạn đến năm 2032:

+ Nâng cấp công suất trạm cấp nước nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước của toàn xã khoảng 413m³/ng.đ. Hệ thống cấp nước sinh hoạt được đầu tư đến các công trình công cộng và từng điểm dân cư, đảm bảo các điểm dân cư trên địa bàn xã đều có công trình cấp nước sạch tập trung, từ đó từng nhóm hộ gia đình cùng tính toán đưa nước về đến từng hộ để sử dụng.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Tổng lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 209 m³/ng.đ.

- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 304 m³/ng.đ.

8.6.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2027 là 2,74 tấn/ng.đ.

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2032 là 3,10 tấn/ng.đ.

8.6.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

* Thoát nước bản:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát

nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

* Chất thải rắn:

- Quy hoạch bãi rác phía Bắc của xã (giáp với xã Đắk Hlơ) với diện tích khoảng 1,50 ha.

- Bố trí các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các làng được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng 70-90 bể chứa CTR cho các thôn làng và các điểm dân cư trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang:

- Các nghĩa trang hiện có của các thôn thì tiếp tục mai táng nhưng cần khoanh vùng và bố trí khoảng cây xanh cách ly bảo đảm vệ sinh môi trường.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa địa (làng Klôm) của thôn với diện tích khoảng 1 ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang thôn 4 (làng Muôn) với diện tích khoảng 0,91 ha.

- Quy hoạch mở rộng đất nghĩa trang của làng Briêng với diện tích khoảng 2,25 ha.

- Đối với các thôn, làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa địa tại các thôn làng, xây dựng đường đi, mộ chí xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp tôn nghiêm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

9.1. Các dự án ưu tiên đầu tư: Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn làng và các tuyến trục thôn, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

9.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: (có quy định cụ thể kèm theo)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

11.1. Tiến độ:

- Giai đoạn đầu 2023-2027

- Giai đoạn sau 2028-2032

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Thực hiện theo phân kỳ các giai đoạn trung hạn 5 năm và có kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Kông Bơ La phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thay thế cho Quyết định

số 1650/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kông Bơ La, huyện KBang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kông Bơ La và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng

